TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 100/2020/DS-ST
Ngày 28 – 7 – 2020
V/v tranh chấp HĐ vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Thanh Liêm
2. Ông Nguyễn Văn Chiến

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Đình Chưởng – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 134/2020/TLST-DS, ngày 20 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 480/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Đại T; Địa chỉ: số 16/7, đường Q, khóm 2, phường C, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Hồ Thanh S; Địa chỉ: số 338/15, đường Q, khóm 4, phường B, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 28/8/2019, anh Lê Đại T cho ông Hồ Thanh S vay số tiền là 50.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 7%/tháng. Khi vay, do thỏa thuận lãi suất cao nên không có làm biên nhận nhưng ông S có viết giấy thỏa thuận mượn chiếc xe mô tô hiệu AIR BLADE mang biển số 69C1-403.18 của vợ anh T là chị Hồ An Nhiên để cầm và ông S hứa trong thời hạn một tháng trả lại số tiền trên cùng lãi suất. Vì chổ quen biết, anh T đồng ý cho ông S vay số tiền trên chứ thực tế không có cho ông S mượn xe để cầm. Quá trình vay, ông S có trả lãi cho anh nhiều lần với tổng số tiền là 8.400.000đ nhưng anh không nhớ thời gian cụ thể. Tuy nhiên kể từ tháng 12 năm 2019 cho đến nay, ông S không trả vốn và lãi, anh đã đòi nhiều lần nhưng ông S cố tình tránh né không trả nợ nên ngày 20/4/2020, anh T nộp đơn khởi kiện yêu cầu ông S trả số tiền nợ là 50.000.000đ và yêu cầu trả số tiền lãi là 10.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án và

tại phiên tòa xét xử, anh T yêu cầu ông S trả một lần hết số tiền nợ là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 28/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm và đồng ý đối trừ số tiền lãi mà ông S đã trả. Ngoài ra, anh T không yêu cầu thêm khoản nào khác.

Đối với ông Hồ Thanh S, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông S vẫn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng, ông Hồ Thanh S đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông S vẫn vắng mặt không rõ lý do, nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Tranh chấp giữa anh Lê Đại T và ông Hồ Thanh S được xác định là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tiền. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông S không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết theo thỏa thuận cho anh T nên giữa các đương sự xảy ra tranh chấp.

[3] Xét nội dung tranh chấp thấy rằng, việc vay nợ giữa các đương sự tuy không làm biên nhận nhưng có làm giấy thỏa thuận đề ngày 28/8/2019, có chữ ký và chữ viết họ tên của ông S, anh T. Mặc dù, trong nội dung giấy thỏa thuận nêu trên thể hiện anh T cho ông S mượn chiếc xe AIR BLADE mang biển số 69C1-403.18 của vợ anh T là chị Hồ An Nhiên để cầm với số tiền 50.000.000đ và ông S cam kết trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày ký giấy thỏa thuận sẽ có trách nhiệm đem chiếc xe trả lại cho anh T nhưng quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã làm việc với chị Nhiên – Là chủ sở hữu chiếc xe trên xác định chị không có cho ông S mượn xe để cầm cũng không cho ông S mượn tiền, hiện chị đang quản lý sử dụng xe trên còn việc giao dịch giữa ông S với anh T là giao dịch riêng, không liên quan đến chị nên chị Nhiên không đặt ra yêu cầu gì đối với ông S, anh T. Riêng anh T khai nhận số tiền 50.000.000đ là tiền của cá nhân anh cho ông S vay, lãi suất thỏa thuận khi vay là 7%/tháng. Do lãi suất thỏa thuận cao, nên các bên mới làm giấy thỏa thuận cho mượn xe để cầm nhưng thực tế không có việc cho mượn xe để cầm. Đối với ông S đã được triệu tập hợp lệ, song vẫn vắng mặt không rõ lý do và trong thời gian giải quyết vụ án, ông S không đến Toà, không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như lời trình bày của anh T nhưng với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của anh T tại phiên toà thể hiện việc ông S có vay và hiện còn nợ anh T số tiền vốn vay là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) đến nay chưa trả là sự thật nên không phải chứng minh.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi, xét thấy tại nội dung giấy thỏa thuận đề ngày 28/8/2019, ông S có cam kết trong thời hạn 01 tháng sẽ trả lại xe đã cầm còn anh T xác định đó là thời hạn ông S cam kết trả tiền cho anh nhưng từ khi vay cho đến nay, ông S chỉ trả được 8.400.000đ tiền lãi thì ngưng không trả tiếp tiền lãi và vốn. Như nhận định trên, do ông S vắng mặt tại phiên tòa nên lời khai của anh T được chấp nhận, cũng chính việc ông S không trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên anh T yêu

cầu tính lãi từ ngày 28/8/2019 cho đến ngày xét xử là 11 tháng theo mức lãi suất pháp luật quy định là có cơ sở. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định lãi suất được tính là 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng), cụ thể số tiền lãi ông S phải trả cho anh Triết là: (11 tháng x 50.000.000đ) x 1,66%/tháng = 9.130.000đ, đối trừ số tiền lãi anh T đã nhận thì ông S còn phải trả cho anh số tiền lãi là 730.000đ.

Với nhận định tại các đoạn [2], [3] và [4] nêu trên, cần buộc ông S có trách nhiệm thanh toán cho anh T tổng số tiền vốn và lãi là 50.730.000đ (năm mươi triệu bảy trăm ba chục nghìn đồng) là phù hợp.

[5] Về thời gian thanh toán, anh T có yêu cầu ông S trả một lần hết số tiền nợ nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng, việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[6] Đối với chị Hồ An Nhiên, quá trình giải quyết vụ án chị đã khai nhận không có đưa xe AIR BLADE mang biển số 69C1-403.18 cho ông S cầm, việc anh T giao dịch với ông S là giao dịch riêng của anh T, không có liên quan đến chị nên chị không đặt ra yêu cầu gì với ông S, anh T. Hiện xe trên, chị vẫn đang quản lý sử dụng từ trước đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai trên của chị Nhiên là có cơ sở chấp nhận và việc giải quyết vụ án cũng không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của chị Nhiên nên không đưa chị Nhiên vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông S phải chịu theo quy định, anh T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 466, 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Đại T.

Buộc ông Hồ Thanh S trả cho anh Lê Đại T tổng các khoản với số tiền là 50.730.000đ (năm mươi triệu bảy trăm ba chục nghìn đồng).

Kể từ ngày anh Lê Đại T có đơn yêu cầu thi hành án, ông Hồ Thanh S không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Hồ Thanh S phải chịu số tiền 2.536.500đ (hai triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm đồng, chưa nộp).

Anh Lê Đại T không phải chịu. Ngày 20/4/2020, anh T đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001639 được trả lại toàn bộ cho anh T.

Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân